

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

TIẾNG VIỆT TRƯỚC SỰ THÂM NHẬP CỦA TIẾNG ANH TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ NHIỆM VỤ GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT LƯƠNG BÁ PHƯƠNG*

TÓM TẮT: Là ngôn ngữ chính thống của dân tộc Việt Nam, tiếng Việt đã có hàng ngàn năm lịch sử. Trải qua bao chặng đường phát triển, tiếng Việt đã vượt qua mọi trở lực để trở thành một ngôn ngữ giàu và đẹp, có bản sắc, đầy tiềm năng. Quá trình hội nhập và phát triển kéo theo sự tiếp xúc, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các nền văn hóa, trong đó có ngôn ngữ. Đây cũng là hiện tượng mang tính phổ biến. Sự tiếp xúc này đã làm phong phú thêm kho từ vựng của ngôn ngữ dân tộc, đặc biệt là những thuật ngữ mới trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và công nghệ; làm đa dạng hơn các hình thức giao tiếp, và về phương diện nào đó, nó giúp chúng ta có điều kiện tiếp cận nhanh với công nghệ, văn hóa phát triển hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp tích cực thì sự tiếp xúc này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự nguyên vẹn của tiếng Việt. Một trong những biến đổi đáng kể của tiếng Việt là sự gia tăng nhanh những từ ngữ vay mượn tiếng Anh. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để những giá trị của văn hóa ngôn ngữ không bị phủ định bởi sự phát triển của văn minh và ngược lại. Điều đó có nghĩa là chúng ta vừa tận dụng được và chấp nhận sự thâm nhập đó như một tất yếu khách quan vừa giữ gìn được sự trong sáng của tiếng Việt. Bài viết này xin được nêu lên thực trạng và gợi ý những việc cần làm để đạt được cả hai mục đích nêu trên.

TỪ KHÓA: sự thâm nhập tiếng Anh; từ vay mượn; sự tiếp xúc tiếng Anh; ngôn ngữ giao tiếp; tiếng Việt giao tiếp.

NHẬN BÀI: 29/11/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 22/1/2022

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người bởi ngôn ngữ là phương tiện duy nhất trong tất cả các phương tiện mà con người dùng để giao tiếp có thể thỏa mãn được tất cả nhu cầu của con người. Trong quá trình phát triển của nhân loại, ngôn ngữ luôn gắn bó không thể tách rời với con người, với mỗi dân tộc. Chính vì vậy, mỗi ngôn ngữ đều có quan hệ trực tiếp với xã hội mà trong đó nó được xem là công cụ giao tiếp xã hội. Vì thế những biến động của xã hội luôn có tác động đến ngôn ngữ. Ở Việt Nam trong giai đoạn đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đã có những biến đổi đáng kể đang diễn ra trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Những biến đổi đó đã tác động trực tiếp đến tiếng Việt và được thể hiện khá rõ nét trong ngôn ngữ ở giai đoạn hiện nay. Một trong những biến đổi đáng kể của tiếng Việt là sự gia tăng nhanh những từ ngữ vay mượn tiếng Anh. Cũng như hàng loạt từ Hán-Việt, từ tiếng Pháp du nhập vào tiếng Việt trước đây, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, phạm vi vay mượn các từ tiếng Anh rất rộng, bao gồm những từ ngữ dùng trong sinh hoạt hàng ngày cho đến các lĩnh vực giải trí, khoa học, kỹ thuật và kinh tế,... Những từ ngữ này lại được biểu hiện trong tất cả các mặt của đời sống trên các phương tiện truyền thông đại chúng như báo viết, phát thanh, truyền hình và Internet. Vì thế vai trò quan trọng của chúng ngày càng được chú ý, trở thành đề tài trung tâm của nhiều nghiên cứu có liên quan đến từ vay mượn và cách thức thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt. Trước đây, đã có những bài viết đề cập đến vấn đề này. Tuy nhiên, những vấn đề của ngôn ngữ học xã hội là những vấn đề sống, luôn biến đổi theo sự biến động của xã hội. Những nghiên cứu về nó cũng cần được bổ sung, cập nhật để đáp ứng yêu cầu của thời đại. Đây là những lý do để chúng tôi thực hiện bài viết này.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề, mục đích nghiên cứu

Chúng ta đang sống trong một thế giới phẳng của thời đại toàn cầu hóa và sự xuất hiện tất yếu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tiếng Anh với lịch sử của nó đang ngày càng trở nên phổ biến trên toàn thế giới và số người sử dụng tiếng Anh cũng gia tăng rất nhanh. Nhất là trong thời kỳ toàn cầu

* TS; Học viện Báo chí và Tuyên Truyền; Email: ltpuong2012@gmail.com

hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ ngày nay. Tiếng Anh là ngôn ngữ chung trong nhiều lĩnh vực, từ chính trị, khoa học kỹ thuật đến văn hóa, nghệ thuật kinh doanh. Ở bình diện ngôn ngữ học, tiếng Anh cũng đã và đang là mối quan tâm hàng đầu của các nhà ngôn ngữ học xã hội khi nghiên cứu về ảnh hưởng của nó đối với các ngôn ngữ khác trên phạm vi toàn cầu. Trên thế giới, trước tiên phải kể đến hai công trình nghiên cứu tiêu biểu của tác giả David Crystal [3] là *“Cambridge Encyclopedia of English language”* và *“English as a global language”* (Tiếng Anh với tư cách là ngôn ngữ toàn cầu, 1977). Trong hai công trình này, tác giả lần đầu tiên đã đưa ra những số liệu thống kê đáng tin cậy về số người sử dụng tiếng Anh với tư cách là một ngoại ngữ hay ngôn ngữ thứ hai. Ngoài ra, còn có một số tác giả khác, trong các nghiên cứu của mình về tiếng Anh cũng tỏ ra rất quan tâm đến vai trò của ngôn ngữ này trong tương lai, chẳng hạn như Grado D [7]. với *“The future of English”* (1997), Soukhanov. A[11] với *“the king’s English Its ain’t”* (2003).

Ở Việt Nam, những tác động trực tiếp của tiến trình đổi mới, mở cửa trước đây và hội nhập và giao lưu quốc tế cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin đã tạo điều kiện cho tiếng Anh thâm nhập vào Việt Nam mạnh mẽ, hình thành nên một lớp từ vựng vay mượn rộng rãi trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam. Bản về vấn đề này ở Việt Nam trong những năm gần đây đã xuất hiện một số bài viết và công trình nghiên cứu về vấn đề này, trong đó có những công trình nghiên cứu đáng chú ý như tác phẩm *“Từ ngoại lai trong tiếng Việt”* của tác giả Nguyễn Văn Khang [10, 2007]. Trong nghiên cứu của mình, các tác giả đã quan tâm đến thực trạng giao thoa, vay mượn và lai tạp giữa tiếng Anh và tiếng Việt trên cơ sở lý thuyết tiếp xúc ngôn ngữ Anh-Việt, từ đó đưa ra dự báo cho những thực trạng này. Bên cạnh đó, với kết quả ghi nhận được từ quá trình điều tra việc sử dụng Anh ngữ trong mọi lĩnh vực đời sống hàng ngày của người Việt, tác giả đã cho chúng ta những phát hiện mới mẻ về sự tồn tại của lớp từ vựng vay mượn tiếng Anh trong tiếng Việt.

Tiếp đó là nghiên cứu *“Sự thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt trên một số phương tiện truyền thông đại chúng ở Việt Nam”* của tác giả Tôn Nữ Nguyệt Anh. Với kết quả khảo sát trên một số phương tiện truyền thông đại chúng đã cho chúng ta thấy mức độ thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt. Tuy nhiên, như chúng tôi đã đề cập ở trên, cùng với sự biến đổi không ngừng của xã hội thì những nghiên cứu này cũng cần được cập nhật bổ sung cho phù hợp với tình hình hiện nay.

Kế thừa những kết quả nghiên cứu của các công trình đi trước, chúng tôi thực hiện đề tài này với mong muốn khảo sát đề cập những cứ liệu cập nhật và ở một mức độ nào đó nghiên cứu của chúng tôi trong phạm vi của một bài báo như một liều vắc xin nhắc lại trước thực trạng thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt để lưu ý cũng như gợi ý những việc cần làm để góp phần vào việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Sự thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt

3.1. Những nguyên nhân dẫn đến sự thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt

3.1.1. Nguyên nhân do quy luật tiếp xúc ngôn ngữ

Có thể nói đây là nguyên nhân căn bản để có sự thâm nhập của một ngôn ngữ vào một ngôn ngữ khác và ngược lại bởi tiếp xúc ngôn ngữ là hiện tượng ngôn ngữ phổ biến trong đời sống xã hội giao tiếp của con người và do đó nó là hiện tượng phổ biến đối với mọi ngôn ngữ trên thế giới. Nó xuất hiện khi con người (bao gồm cả cá nhân và cộng đồng) sử dụng hai hay nhiều ngôn ngữ. Hay nói cách khác, ở đâu có sự hiện diện của hiện tượng song ngữ hoặc đa ngữ dưới tác động của các nhân tố xã hội thì ở đó xuất hiện hiện tượng tiếp xúc ngôn ngữ.

Nhìn vào tiếng Việt có thể thấy các đợt tiếp xúc lớn theo thời gian giữa tiếng Việt và các ngôn ngữ khác đưa đến sự xuất hiện của các đơn vị từ vựng ngoại lai trong tiếng Việt: (1) *Đợt tiếp xúc ngôn ngữ thứ nhất*, là sự tiếp xúc giữa hai nền văn hóa Hán và Việt, văn hóa Trung Hoa trong đó có ngôn ngữ đã du nhập vào Việt Nam, từ đó xuất hiện ở các cụm từ mượn Hán mang dấu ấn của văn hóa văn minh Trung Hoa; (2) *Đợt tiếp xúc ngôn ngữ thứ hai*, là sự tiếp xúc giữa tiếng Pháp và tiếng Việt trong bối cảnh chính trị 80 năm đô hộ của thực dân Pháp. Đợt tiếp xúc này để lại trong tiếng Việt một lượng lớn từ vay mượn tiếng Pháp truyền tải những khái niệm mới về khoa học-kỹ thuật và văn hóa văn minh phương Tây; (3) *Đợt tiếp xúc ngôn ngữ thứ 3* là tiếp xúc ngôn ngữ với tiếng Nga trong thời kì khôi phục và xây dựng đất nước sau chiến tranh với sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô và

sau đó là nước Nga. Tuy nhiên đợt tiếp xúc này không đủ lâu nên việc xuất hiện các từ tiếng Nga trong tiếng Việt là không đáng kể; (4) *Đợt tiếp xúc ngôn ngữ thứ 4*, trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, đợt tiếp xúc ngôn ngữ tiếp theo giữa tiếng Việt và tiếng Anh. Đợt tiếp xúc này không chỉ để lại trong tiếng Việt rất nhiều thuật ngữ khoa học bằng tiếng Anh mang tính quốc tế mà còn làm thay đổi phương pháp nghiên cứu về từ ngữ vay mượn truyền thống.

3.1.2. Nguyên nhân lịch sử, văn hóa

Ở Việt Nam, lịch sử tiếp xúc với tiếng Anh chưa lâu như tiếng Hán, tiếng Pháp. Sự thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt xuất hiện cùng với sự xuất hiện của người Mỹ ở Việt Nam. Từ thời Pháp thuộc, đã có sự xuất hiện của người Mỹ ở Việt Nam. Đặc biệt là giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã có sự xuất hiện của binh lính Mỹ tham gia chiến tranh giúp Pháp. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đối với Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975 đã tạo điều kiện để tiếng Anh chính thức thâm nhập vào tiếng Việt.

Công cuộc đổi mới đất nước và quá trình hội nhập thế giới bắt đầu từ thập niên 80 của thế kỉ XX và đặc biệt là giai đoạn hội nhập sâu rộng của đất nước cũng như sự ra đời của cuộc cách mạng 4.0 cũng đã tạo điều kiện cho tiếng Anh thâm nhập vào tiếng Việt nhiều hơn.

3.1.3. Nguyên nhân chính trị, kinh tế-xã hội

Cùng với những nguyên nhân nêu trên, sự thâm nhập dẫn đến sự bùng nổ của tiếng Anh ở Việt Nam còn chủ yếu là do những nguyên nhân chính trị, kinh tế xã hội. Chính sách “đổi mới-mở cửa-hội nhập” với ý chí và quyết tâm hội nhập sâu rộng để phát triển đất nước và tạo vị thế mới trên trường quốc tế đã tạo điều kiện cho sự phát triển nhiều mặt xã hội Việt Nam, trước hết là kinh tế và theo sau nó là hàng loạt các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có ngôn ngữ. Với vị thế là ngôn ngữ quan trọng bậc nhất so với các ngôn ngữ khác trên phạm vi toàn cầu, tiếng Anh đã thâm nhập vào Việt Nam một cách mạnh mẽ, tác động đến từng nhân tố trong xã hội, nhất là những người làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến yếu tố nước ngoài. Từ đây sự thâm nhập của tiếng Anh cũng như nhu cầu sử dụng tiếng Anh ở Việt Nam càng mạnh mẽ.

3.2. Những bình diện của ngôn ngữ tiếng Anh thâm nhập vào tiếng Việt

3.2.1. Trên bình diện từ vựng

Có ba đơn vị từ vựng của tiếng Anh thâm nhập vào tiếng Việt là thuật ngữ không viết tắt, thuật ngữ viết tắt và tên riêng.

3.2.1.1. Thuật ngữ không viết tắt

Có thể nói, các từ tiếng Anh loại này xuất hiện trong tiếng Việt hầu hết đều mang những khái niệm mới mà trong tiếng Việt chưa có do thiếu hoặc không có nên phải vay mượn. Những khái niệm này thường mang tính chuyên sâu về một lĩnh vực nào đó. Sự xuất hiện những từ mang khái niệm mới gắn với các trường từ vựng-ngữ nghĩa mới đã kéo theo việc làm mới một số khái niệm bằng các từ tiếng Anh. Chẳng hạn, trong đời sống thường nhật của con người, các từ tiếng Anh xuất hiện trong một số lĩnh vực sau:

- Giải trí: Ví dụ như: *boyband, ballad, pop, rock, hip hop, video clip, girlband, diva, single, playback, show, solo, studio, showbiz, bowling, derby, hat-trick, olympic, picnic, tennis, billiards, ...*
- Công nghệ Điện tử-Viễn thông-Thông tin: Ví dụ: như *computer, internet, chat, format, chat room, nickname, game, email, phone, update, webcam, desktop, hacker, link, save, stand by, delete, retsart, ...*
- Ẩm thực: Ví dụ như: *beer, canteen, buffet, fastfood, chocolate, hamburger, pizza, party, hot dog, menu, chewing-gum, bar, pub, ...*
- Thời trang - mua sắm: Ví dụ như: *design, designer, make up, mascara, model, modern, size, shop, second hand, fashion, style, beauty salon, catwalk, ...*
- Kinh tế thị trường: Ví dụ như: *trademark, marketing, market share, advertisement, sale off, shopping, quota, stock broker, coupon, sticker, ...*

Liên quan đến nghề nghiệp-giáo dục: Ví dụ: *employ, employer, employee, leader, manager, producer, list, apply, application, trial work, work, job, part time, full time, salary, bonus, class, classmate, school, university, teach, learn, study, teacher, student, lesson, lecture, lecturer, dead line,*

master, course, book, notebook, language,...

- Liên quan đến cá nhân, quan hệ giao tiếp, tình cảm: ví dụ như: *baby, girlfriend, boyfriend, friend, darling, honey, member, teen, partner, love, happy, kiss, stress,...*

3.2.1.2. Thuật ngữ viết tắt

Tiếng Việt không chỉ tiếp nhận các thuật ngữ mà còn tiếp nhận cả những đơn vị viết tắt của tiếng Anh. Các đơn vị viết tắt này khi thâm nhập vào tiếng Việt vẫn giữ cách viết nguyên dạng. Ví dụ: *ASEAN: Association of South East Asian Nations (Hiệp hội các nước Đông Nam Á), CIA: Central Intelligence Agency (Cục Tình báo Trung ương Mỹ), NASA: National Aeronautics and Space Administration (Cơ quan Hàng, UNICEF: United Nations International Children's Emergency Fund (Quỹ nhi đồng Liên Hiệp Quốc), UNESCO: United Nations Educational. Scientific and Cultural Organization (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc), v.v.*

3.2.1.3. Tên riêng

Như chúng ta đã biết, vấn đề cách viết, cách đọc tên tiếng nước ngoài trong tiếng Việt cho đến nay còn chưa thống nhất. Trong thực tế đã có một số văn bản quy định mang tính pháp lý về mặt Nhà nước cho chính tả tiếng Việt nói chung và tên riêng nước ngoài nói riêng. Thế nhưng, vì những lí do khác nhau mà các văn bản pháp quy này chưa được tuân thủ triệt để. Vì thế cũng là dễ hiểu khi mỗi ấn phẩm tiếng Việt tự chọn cho mình một cách xử lí và dẫn đến sự không thống nhất về cách viết, cách đọc tên riêng nước ngoài giữa các ấn phẩm cũng như trong một ấn phẩm. Gọi là chọn vì thực tế từ trước đến nay, cách viết cách đọc tên riêng nước ngoài trong tiếng Việt xuất hiện ở 3 kiểu là (1) *Dịch nghĩa* (thông qua từ Hán-Việt), (2) *Phiên*, (3) *Để nguyên dạng* trong văn bản tiếng Anh.

- *Dịch nghĩa*: Giải pháp dịch nghĩa chỉ áp dụng đối với những tên riêng tiếng Anh vốn đã quen thuộc với cộng đồng thế giới, chủ yếu thông qua những từ Hán-Việt. Ví dụ: Thailand => Thái Lan, Australia => Úc, Austria => Áo, Dutch => Hà Lan.

- *Phiên*: Có hai cách phiên là phiên âm và phiên chuyển. Phiên âm nghiêng về âm đọc, còn phiên chuyển nghiêng về mặt chữ. Cả hai kiểu phiên này được thể hiện như: Indonesia => In-đô-nê-si-a, California => Ca-li-phôoc-ni-a, Saudi Arabia => A-rập-Xê-Út, B. Clinton => B. Cờ-lin-تون, v.v.

[Báo Nhân Dân]

Cho đến nay, cách phiên này không còn phổ biến ở các sách báo chuyên ngành nhưng lại tương đối thông dụng trong các tờ báo mang tính quảng đại như như Báo Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội Mới, v.v.

- *Viết nguyên dạng*: Ở đây giữ nguyên cách viết của nguyên ngữ, chẳng hạn như: (a) Tên nước, tỉnh, thành: *Philippines, Singapore, Australia, Saudi Arabia, myanma, Oxford, Newyork,...* (b) Tên người: *Donal Trump, Brack Obama, Bill Clinton George W. Bush, Jane Eyre, v.v.*

3.2.2. Trên bình diện ngữ pháp

Khi thâm nhập vào tiếng Việt, một số đơn vị tiếng Anh được nâng cấp về chức năng ngữ pháp. Sự thay đổi về chức năng ngữ pháp này xuất phát từ nguyên nhân tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập, từ trong tiếng Việt là những từ đơn tiết. Ranh giới của âm tiết thường trùng với ranh giới của hình vị, mà hình vị thì không phân biệt với từ. Vì thế, có thể xem một âm tiết là một từ. Trong khi đó tiếng Anh là một ngôn ngữ có biến đổi hình thái, từ trong tiếng Anh là những từ đa tiết, không chỉ có chính tố mà còn có cả phụ tố, bao gồm tiền tố và hậu tố. Khi thâm nhập vào tiếng Việt, những từ này đều được đơn tiết hóa trở thành những từ đơn cho phù hợp với quy luật của tiếng Việt. Ví dụ như trường hợp của *super* và *anti*. Trong tiếng Anh, *super* và *anti* đóng vai trò là những tiền tố (prefix) của từ. Nhưng trong tiếng Việt, chúng lại được sử dụng như một từ. Chẳng hạn như: *super* “Cô thì *super* rồi, ai mà sánh được.” [Báo Hoa Học Trò] hay với “*Anti*” “Đã là người của công chúng thì việc có hội “*anti*” là chuyện bình thường” [Vietnam.net]. Đây là lí do giải thích tại sao những tiền tố như *super-* và *anti-* lại được nâng cấp thành từ trong tiếng Việt chứ không còn giữ vai trò là phụ tố như trong chuyên ngữ.

3.3. Thực trạng thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt hiện nay

Có thể nói rằng với quy mô giao lưu và hội nhập quốc tế như hiện nay cũng như sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng 4.0 thì việc tiếng Anh thâm nhập vào tiếng Việt là rất đáng chú ý

nếu không muốn nói là đáng báo động từ các phương tiện truyền thông đại chúng chính thống đến giao tiếp mọi mặt của cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một bài viết chúng tôi chỉ đề cập đến ba loại truyền thông chính thống có ảnh hưởng đáng kể đến tiếng Việt. Tiêu biểu là báo viết, truyền hình và Internet mà đại diện là báo mạng điện tử.

3.3.1. Sự thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt trên báo viết

Báo viết là một trong những phương tiện truyền thông đại chúng có sức ảnh hưởng rộng rãi và sự tác động hiệu quả đến đông đảo các tầng lớp trong xã hội. Đặc trưng cơ bản của báo viết là tất cả thông tin mà báo in truyền tải đến công chúng đều được trình bày dưới hình thức là chữ viết. Vì thế, quá trình khảo sát về sự thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt trên báo viết của chúng tôi hoàn toàn được tiến hành căn cứ trên các phương diện chữ viết. Đối tượng khảo sát của chúng tôi ở đây là các tờ báo kinh tế, khoa học và văn hóa, thể thao bởi lẽ các tờ báo này thể hiện rõ nét hơn về khía cạnh này.

Như chúng ta đã biết quá trình “đổi mới - mở cửa - hội nhập” cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở nước ta trong những năm qua, đặc biệt là sự ảnh hưởng của cuộc cách mạng 4.0 đã tạo điều kiện cho các từ ngữ kinh tế, khoa học, văn hóa, thể thao của tiếng Anh thâm nhập mạnh mẽ vào tiếng Việt. Trong đó phải kể đến sự xuất hiện của các thuật ngữ không viết tắt, viết tắt và tên riêng tiếng Anh trên các ấn phẩm này.

- Đối với các thuật ngữ không viết tắt

Trong ba tờ báo mà chúng tôi khảo sát thì các thuật ngữ kinh tế của tiếng Anh xuất hiện trên báo chí tiếng Việt chủ yếu là được dịch nghĩa. Những thuật ngữ này hầu hết đều mang những khái niệm mới đối với lĩnh vực kinh tế học Việt Nam. Việc nắm bắt ý nghĩa của các thuật ngữ này là việc làm cần thiết và cấp bách không chỉ đối với giới doanh nhân nói riêng mà còn đối với các tầng lớp khác trong xã hội nói chung. Vì thế, giải pháp xử lý đầu tiên được lựa chọn là dịch nghĩa các thuật ngữ này, giải pháp này được gọi là sao phỏng ngữ nghĩa, tức là chỉ có ý nghĩa của từ là ngoại lai, còn hình thức của từ là bản ngữ (đa phần là những từ Hán-Việt). Nó chỉ giữ lại cái biểu đạt và nghĩa ban đầu của yếu tố ngôn ngữ được sao phỏng (tiếng Anh) cũng có thể bị biến đổi. Ví dụ, từ *thị trường vốn* là hình thức của từ tiếng Việt để Việt hóa nghĩa của từ *Capital market* trong tiếng Anh. Cho đến nay, giải pháp này vẫn phát huy vai trò tích cực của nó trong việc phổ biến những khái niệm mới trong lĩnh vực kinh tế. Các tờ báo kinh tế, khi đề cập đến những thuật ngữ trong lĩnh vực có liên quan, cũng đều chọn giải pháp này. Chẳng hạn như: “*Exchange market - thị trường hối đoái*”, “*Free trade - mậu dịch tự do*”, “*Market share - thị phần*”, v.v. “*Quota - hạn ngạch*”, “*Share - cổ phiếu*”, “*Shareholder - cổ đông*”, “*trademark - thương hiệu*”, v.v. Trong khi các thuật ngữ Y học thì hầu hết được giữ nguyên dạng bởi trong tình hình phát triển liên ngành, liên quốc gia của các bộ môn khoa học nói chung, của Y học nói riêng hiện nay, báo chí không thể không chú ý tới việc sử dụng những thuật ngữ chung nếu chúng phản ánh những khái niệm như nhau. Vì thế, việc viết nguyên dạng các thuật ngữ này đang được áp dụng rộng rãi. Khi khảo sát thuật ngữ y học trong tiếng Anh được sử dụng trong các tờ báo, tạp chí có liên quan đến thuốc và sức khỏe, chúng tôi nhận thấy có các trường hợp sau là được viết nguyên dạng. Chẳng hạn như: *lycopene, vitamin, protein, lipoprotein, enzyme, aspirin, carotin, vaccine, virus, cholesterol, laser*,...

Với các thuật ngữ về thể thao, văn hóa, các từ tiếng Anh thông thường được viết theo nguyên tự tiếng Anh hoặc viết theo cách đọc (phiên âm), đơn tiết hóa theo kiểu tiếng Việt (viết tắt), viết chệch, tạo ra từ mới theo kiểu Việt, tạo ra từ mới bằng cách kết hợp giữa yếu tố Anh và Việt. Ví dụ: *cascadeur, diva, show, showbiz, liveshow, album, club, fan, single, solo, video clip, teen, style, paparazzi, pop, rock, rap, rapper, hip hop, ballad, country, break dance, karaoke*, v.v. Trong lĩnh vực điện ảnh, âm nhạc, du lịch, thời trang, mua sắm có các từ như: *beauty salon, catwalk, design, designer, make up, model, modern, size, shop, hotel, second hand, jean, cotton, silk, handmade, massage, nail, wax, tour, city tour, resort, fashion, style, shopping*, v.v.

- Đối với các thuật ngữ viết tắt

Trong lĩnh vực kinh tế, các thuật ngữ viết tắt tiếng Anh thường đại diện cho tên của một tổ chức hay một đơn vị kinh tế nào đó, khi vào báo chí tiếng Việt, tất cả những thuật ngữ viết tắt này đều

được giữ nguyên dạng. Ví dụ như: *ASEAN, APECT, ATM, FDI, ODA, OECD*, v.v. Bên cạnh những từ viết tắt tiếng Anh, hiện nay xuất hiện một xu hướng là tên tắt của các tổ chức kinh tế, xã hội Việt Nam được đặt tên bằng tiếng Anh đã tăng vọt (và áp đảo tên bằng tiếng Việt). Cách tạo nên tên tắt này là: từ một tên gọi đầy đủ tiếng Việt, người ta dịch ra tên bằng tiếng Anh, rồi dựa trên cơ sở tên đầy đủ của tiếng Anh để đặt tên tắt, ví dụ: *VIETCOMBANK-Vietnam Commercial Joint Stock Bank* => *Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam*.

Trong lĩnh vực khoa học, văn hóa, thể thao: Các thuật ngữ viết tắt tiếng Anh thông thường được viết theo nguyên tự tiếng Anh, viết theo cách đọc (phiên âm), đơn tiết hóa theo kiểu tiếng Việt (viết tắt), viết chệch, tạo ra từ mới theo kiểu Việt, tạo ra từ mới bằng cách kết hợp giữa yếu tố Anh và Việt. Ví dụ:

“*Lee Ming Ho đã lập quỹ từ thiện để giúp đỡ các bé bị nhiễm COVID-19*”; “*Ngoài ra, AFC cũng có dự định sẽ đưa một vài đại diện của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam sang Singapore nghiên cứu cách tổ chức hệ thống cá cược (hợp pháp) trong thời gian sắp tới*”.

- Tên riêng

Tên riêng hiện diện trên các ấn phẩm này dưới các hình thức phiên âm, dịch nghĩa và giữ nguyên dạng, ví dụ: “*Cambodia* => *Campuchia, Singapore* => *Singapor*” (phiên âm); “*America* => *Mỹ*” (theo âm Hán-Việt); *Australia, Israel, Angola* (nguyên dạng).

Như vậy, kết quả khảo sát đã giúp cho chúng ta nhận ra một tình trạng chung đối với các tờ báo viết ở Việt Nam hiện nay là, không có sự thống nhất về cách xử lý thuật ngữ tên riêng tiếng Anh trong mọi tờ báo, ở mỗi lĩnh vực cụ thể như kinh tế khoa học hay văn hóa thể thao,... Trong cùng một tờ báo, vẫn tồn tại nhiều cách xử lý khác nhau. Tình trạng này không chỉ gây khó khăn cho người tiếp nhận thông tin nói chung, mà ở một khía cạnh nào đó, còn tạo ra những hệ quả ngược trong giáo dục bởi vì việc giáo dục học sinh, sinh viên không chỉ dựa vào công cụ là sách, mà còn phải có sự hỗ trợ tích cực từ các phương tiện truyền thông đại chúng, tiêu biểu là báo viết. Nếu giữa nhà trường và xã hội không có sự thống nhất và phối hợp thì không thể đạt được kết quả tích cực trong giáo dục nhà trường, ở đây là vấn đề về chính tả và tên riêng nước ngoài. Vậy nên, cần phải có những giải pháp tích cực từ phía những người làm công tác truyền thông, những quy định chung áp dụng cho các tờ báo ở mỗi lĩnh vực cụ thể.

3.3.2. Sự thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt trên truyền hình

Truyền hình là một phương tiện truyền thông đại chúng mang tính chính thống ở cả cấp quốc gia và địa phương. Vì thế, ngôn ngữ được sử dụng trên truyền hình đòi hỏi phải là một thứ tiếng chuẩn mực. Các từ vay mượn tiếng Anh nếu có, ít nhất cũng phải được Việt hóa hoàn toàn về cách viết hay cách đọc. Thế nhưng, trong thực tế, một số chương trình phát sóng của truyền hình, chúng tôi nhận thấy vẫn tồn tại những trường hợp lạm dụng tiếng Anh. Không giống với báo viết, truyền hình chỉ truyền đạt thông tin bằng *chữ viết* (đi kèm hình ảnh minh họa), mà còn bằng *phát âm* (âm thanh). Vì thế, các từ tiếng Anh xuất hiện trên các chương trình truyền hình về các lĩnh vực có liên quan đến văn hóa và thể thao như âm nhạc, thư giãn, bình luận thể thao... được xem xét về mặt ngữ âm và từ vựng.

- Về mặt ngữ âm

Dựa trên tiêu chí ngữ âm, chúng tôi có thể nhận biết được các thuật ngữ không viết tắt và thuật ngữ viết tắt tiếng Anh thông qua việc khảo sát cách phát âm tiếng Anh của các biên tập viên trong một số chương trình truyền hình tiêu biểu (văn hóa, thể thao). Kết quả cho thấy, đa số các thuật ngữ không viết tắt tiếng Anh hiện nay đều được các biên tập viên phát âm hướng tới cách phát âm của người Việt, từ đó tạo ra các biến thể khác nhau mang đặc trưng của từng phương ngữ Bắc hay Nam. Ví dụ, trong các chương trình bình luận bóng đá được phát trên VTV3, các bình luận viên của Đài truyền hình Việt Nam thường chêm vào lời bình luận của mình các từ tiếng Anh như: phát âm các từ *penalty, doping, derby, knock out, pressing, hattrick* thành *pê - nan - ti, đô - ping, đơ-bi, nóc - ao, pret - sing, hat* - trích thay vì dịch nghĩa là “quả phạt đền 11 mét”, “thuốc kích thích”, “trận đấu đầu giữa hai đội bóng cùng thành phố”, “hạ đo ván”, “sức ép”, “ba bàn thắng do cùng một người ghi trong một trận đấu”. Trong khi đó các thuật ngữ viết tắt lại không được phát âm một cách nhất quán, không theo một nguyên tắc thống nhất. Chẳng hạn:

- Phát âm ghép thành từ, ví dụ: *APEC*: a pét; *ASEAN*: a xê an; *FIFA*: phi pha; *NASA*: na xa; *NATO*: na tô; *UEFA*: u e pha; *UNESCO*: iu nét cô/ diu nét cô; *UNICEF*: u ni xép, diu ni xe.

- Phát âm từng con chữ: Một số lượng không nhỏ các thuật ngữ viết tắt tiếng Anh được phát âm theo từng con chữ Việt hóa. Tuy nhiên, trong khi phát âm theo cách này, vẫn tồn tại hai trường hợp: (a): phát âm từng con chữ gắn với cách phát âm của người Việt và (b) phát âm từng con chữ gắn với cách phát âm của người bản xứ, ví dụ:

Thuật ngữ viết tắt	Trường hợp 1(a)	Trường hợp 2(b)
<i>ATM</i>	a tê em	ây ti em
<i>BBC</i>	bê bê xê	bi bi xi
<i>FDI</i>	ép đê i	ép đi ai
<i>ODA</i>	o đê a, ô đê a	au đi ây

Như vậy, phát âm các thuật ngữ viết tắt tiếng Anh như thế nào vẫn còn là một vấn đề cần phải giải quyết để đạt được một sự thống nhất cần thiết. Theo chúng tôi, các dạng viết tắt vay mượn nên được phát âm theo tiếng Việt trên phương tiện truyền thông đại chúng, tiêu biểu là trên truyền hình, để tạo điều kiện cho mọi người có thể nắm bắt thông tin một cách dễ dàng và tiện lợi.

- Xét về mặt từ vựng

Từ tiếng Anh xuất hiện nguyên dạng trên cơ sở chương trình lớn trên truyền hình. Đa phần đây là những chương trình có liên quan đến lĩnh vực âm nhạc, giải trí. Trong thời gian gần đây trên đài truyền hình kỹ thuật số Việt Nam (VTC) có chương trình mang tên “Sao online” là một ví dụ: Về hình thức, tên chương trình là từ ghép của từ “sao” trong tiếng Việt với từ “online” của tiếng Anh; Về ý nghĩa, bản thân từ “sao” đã có nghĩa là “ngôi sao”- từ dùng để xưng tụng những người nổi tiếng trong giới biểu diễn nghệ thuật; còn từ “online” vốn là một thuật ngữ tin học trong tiếng Anh có nghĩa “trực tuyến”. Tương tự là các chương trình: “Talk Việt Nam”, “Blog Giao Thông” đang được phát trên sóng VTV1, Đại nhạc hội FA” trên VTV6. Từ “talk” vốn là từ viết tắt của từ “talk show” được dùng để chỉ những cuộc trò chuyện trên truyền hình, từ “blog” vốn là một thuật ngữ tin học dùng để chỉ nhật ký trên mạng internet hay nhật ký viết trên facebook... Với những người Việt chưa một lần nghe đến những từ tiếng Anh xa lạ này thì có lẽ dễ hiểu được tên gọi “Talk Việt Nam” hay “Blog giao thông” quả là một điều khó khăn, đó là chưa kể những chương trình này được phát sóng trên kênh VTV1, kênh thông tin thời sự chính thức ở cấp quốc gia.

3.3.3. Sự thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt trên Internet

Có thể nói, so với hai phương tiện truyền thông nói trên thì Internet là một phương tiện truyền thông có sự thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt nhiều hơn cả bởi, đây là phương tiện phổ biến nhất đối với tất cả mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội. Tuy nhiên, cái mới và độc đáo của phương tiện truyền thông này là tự bản thân nó có thể đảm nhiệm được ba chức năng, ba trong một, tùy vào mục đích của người sử dụng - điều mà các phương tiện truyền thông vốn có cho đến nay như báo chí, phát thanh hay truyền hình hầu như không làm được. Trước hết, đó là *chức năng phương tiện truyền thông liên cá nhân* mà biểu hiện là thư điện tử (email), các ứng dụng mạng xã hội đa chức năng như zalo, viber, v.v. Kế đó là *chức năng phương tiện truyền thông tập thể*. Nhiều cơ quan và công ty đã ứng dụng việc thiết lập những mạng cục bộ hoặc trang chủ Internet diện rộng vào công việc quản lý và giao dịch thông tin trong nội bộ hay nội bộ ngành của mình, vượt qua những ngăn cách về mặt địa lý hay thời gian. Cuối cùng và quan trọng nhất là *chức năng truyền thông đại chúng*. Khi đưa một tờ báo lên mạng Internet chẳng hạn, thì xét về mặt kỹ thuật, thực chất đó chỉ là thay đổi công cụ mang tin từ báo giấy sang thiết bị điện tử. Nếu có khác chẳng thì đó là những tiềm năng mới của Internet mà cho đến nay chúng ta vẫn chưa khai thác hết. Ví dụ, tờ báo điện tử có khả năng cập nhật tin tức nhanh hơn (vào bất cứ lúc nào trong ngày), truyền đi xa hơn (có thể xem tờ báo vào bất cứ lúc

nào trên thế giới miễn là có máy tính kết nối với Internet) và mở ra những khả năng tương tác phong phú (như trực tuyến chẳng hạn) giữa tòa soạn và độc giả.

Với những tiềm năng to lớn như trên, Internet đã và đang thu hút sự quan tâm của đông đảo tầng lớp xã hội, hứa hẹn trong tương lai sẽ là phương tiện truyền thông đại chúng độc tôn. Điều này đồng nghĩa với việc học tiếng Anh, ngôn ngữ sử dụng chủ yếu trên Internet, được truyền bá đến những ai có liên quan đến Internet. Ở Việt Nam, tình trạng này cũng không phải là ngoại lệ. Có thể nói, chưa có một phương tiện truyền thông nào lại có ảnh hưởng rộng rãi đến đại bộ phận công chúng như thế, và cũng chưa có địa hạt nào mà tiếng Anh lại thâm nhập một cách ồ ạt và hợp pháp vào tiếng Việt như thế. Theo quan sát của chúng tôi, các từ tiếng Anh chủ yếu xuất hiện trên báo mạng điện tử, và các trang mạng xã hội, chủ yếu là trên báo mạng điện tử. Trên các báo này đa số các từ tiếng Anh được viết nguyên dạng như trong bản ngữ. Các từ này được phân thành hai nhóm:

(1) Nhóm các từ chuyên ngành công nghệ thông tin. Trong nhóm này các từ chủ yếu là 3 từ loại chính:

- Danh từ, ví dụ: *web/ website (trang web), net/ network (mạng, mạng máy tính), e-mail/mail (thư điện tử), admin (quản trị mạng), avatar (hình đại diện), chatter (người tán gẫu), comment (lời bình), hacker (tín tặc), laptop (máy tính xách tay), virus (vi rút), message (thông điệp, tin nhắn), list (danh sách), friendlist (danh sách bạn bè), feed (thông tin hỗ trợ), nick/ nickname (biệt danh), host (dịch vụ đăng kí tên miền trên Internet).*

- Động từ và tính từ, ví dụ: *access (truy cập/ truy nhập), add (thêm vào), click (nhấn vào), cut (cắt), delete (xóa), send (gửi), copy (sao chép), paste (dán), check (kiểm tra), reply (hồi đáp), save (lưu lại), move (di chuyển), print (in), download (tải xuống), upload (tải lên), upload post (gửi, đăng), sign in (đăng nhập), sign out (thoát ra), link (nối kết), view (xem).*

- Tính từ, ví dụ: *online (trực tuyến), offline (ngoại tuyến / không còn trực tuyến nữa), pause (tạm dừng).*

(2) Nhóm các từ thông dụng trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Trong nhóm này tiêu biểu cũng là 3 từ loại chính là:

- Danh từ, ví dụ: *logo (biểu trưng), mark (điểm), game (trò chơi), slogan (khẩu hiệu), invitation (lời mời), survey (cuộc điều tra, nghiên cứu), love (tình yêu), pizza (bánh của Ý).*

- Động từ, ví dụ: *accept (chấp nhận), share (chia sẻ), update (cập nhật), out of date (lạc hậu).*

- Tính từ, ví dụ: *bad (xấu, thiếu sót), good (tốt), manly (nam tính).*

Qua quá trình khảo sát thực trạng thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt trên một số phương tiện truyền thông đại chúng tiêu biểu nêu trên, không thể không thừa nhận rằng, sự tiếp nhận các từ tiếng Anh đã có những ảnh hưởng tích cực đến cả số lượng và chất lượng tiếng Việt. Nhưng việc sử dụng ồ ạt không có định hướng các từ tiếng Anh trong tiếng Việt như hiện nay lại có một tình trạng đáng phải báo động cho sự trong sáng của tiếng Việt. Hàng loạt các ví dụ được trích dẫn từ các phương tiện truyền thông đại chúng trên đã cho chúng ta thấy rõ điều đó. Như vậy, bảo vệ và phát triển tiếng Việt nói cách khác là gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt ở phạm vi này thì phải có định hướng, cụ thể là định hướng cho việc sử dụng tiếng Anh hiện nay trong tiếng Việt.

4. Một số kiến nghị khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của hiện tượng thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt

Mặc dầu có những ảnh hưởng đến sự nguyên vẹn và trong sáng của tiếng Việt. Song chúng ta cũng không thể phủ nhận sự xuất hiện như một tất yếu khách quan của việc thâm nhập tiếng Anh vào tiếng Việt. Vấn đề được đặt ra ở đây là chúng ta nên làm thế nào để có thể thu nạp thứ tiếng đã trở thành ngôn ngữ của thế giới trong rất nhiều lĩnh vực này vào tiếng Việt để góp phần vào sự đa dạng trong sự phát triển của tiếng Việt mà không mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Qua việc khảo sát và phân tích cũng như những quan sát trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ, chúng tôi xin đưa ra đây một số kiến nghị về cả chính sách cũng như cách sử dụng tiếng Anh cụ thể trong xã hội nói chung và trên các phương tiện truyền thông đại chúng ở Việt Nam để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của hiện tượng thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt.

4.1. Kiến nghị liên quan đến chính sách ngôn ngữ

Với vị trí được xem là tiếng phổ thông, tiếng Việt là ngôn ngữ giao tiếp chung của dân tộc Việt Nam. Hơn thế nữa, khi đã hội nhập quốc tế sâu rộng thì hơn lúc nào hết, nhu cầu về một ngôn ngữ chính thức - ngôn ngữ quốc gia chuẩn mực là điều mong mong mỗi chính đáng. Cùng với các ngôn ngữ trên thế giới, tiếng Việt cần được giới thiệu đúng như vị thế mà nó đã có, một ngôn ngữ trong sáng mang đậm đà bản sắc văn hóa Việt Nam. Liên quan đến vấn đề này chúng tôi xin có các kiến nghị tham khảo như sau:

- *Đối với các từ đã có được dùng lại và các từ mới:* Có những từ ngữ đã có trong tiếng Việt nay được “dùng lại” nhưng với nghĩa mới, trong hoàn cảnh đời sống văn hoá-xã hội đã thay đổi, song cũng có những trường hợp hoàn toàn nhờ giao lưu và hội nhập quốc tế mới có, đặc biệt do cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật với những tiến bộ vượt bậc của công nghệ thông tin, mà may thay, Việt Nam ta không những không đứng ngoài cuộc mà còn sẵn sàng đón nhận nó. Mạng thông tin toàn cầu đã đến với mọi miền đất nước.

Khuyến khích sử dụng các từ mới (như: *hội nhập, doanh nhân,...*) đưa các từ ngữ tiếng Việt đặc biệt vào giao lưu quốc tế như: *đối mới => doi moi*, *phờ => pho,...* chính là góp phần khẳng định sự đổi mới của đất nước, và cũng chính là góp phần tạo cơ hội đề quảng bá hình ảnh và vị thế của đất nước và văn hoá Việt Nam mới trên trường quốc tế.

- *Đối với các từ mới xuất hiện:* Cần sớm quy chuẩn cho các yếu tố ngôn ngữ mới xuất hiện, đặc biệt là các yếu tố vay mượn. Điều này là hết sức cần thiết, ngay như cho ngành thông tin - thư viện, bởi chỉ khi nào chọn được tên tiếng Việt chính xác và thống nhất cho các đề mục và chủ đề thì mới có thể phát huy hết khả năng chuyên tài tài nguyên thông tin mới thông qua tiếng Việt. Trong điều kiện phát triển đa dạng các ngoại ngữ, nhằm góp phần bảo vệ sự đa dạng văn hoá và đa dạng ngôn ngữ, thì vẫn rất cần bảo vệ vị thế và sự trong sáng của tiếng Việt.

- *Cần có những quy định, nguyên tắc cho phép sử dụng tiếng nước ngoài:* Cần có những quy định chặt chẽ ở cấp quốc gia và đề ra các nguyên tắc cụ thể cho phép sử dụng tiếng nước ngoài trong đời sống xã hội, đặc biệt là đối với tiếng Anh, ngôn ngữ đang có một vị thế và ảnh hưởng đặc biệt hiện nay. Mang giá trị hình mẫu và định hướng rất cao trong xã hội thông tin, các phương tiện truyền thông đại chúng cần đi đầu trong việc bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

Như vậy, trong bối cảnh kinh tế - chính trị và văn hoá - xã hội của đất nước đổi mới bước vào giao lưu văn hoá và hội nhập quốc tế, mỗi người chúng ta, những người sử dụng ngôn ngữ, nhất là các nhà nghiên cứu và đặc biệt là các nhà hoạch định chính sách ngôn ngữ, đều luôn thấy mình có thể và cần làm ngay những gì, vì tương lai tốt đẹp của tiếng Việt chúng ta.

4.2. Kiến nghị liên quan đến cách sử dụng cụ thể về ngôn ngữ

Có thể nói rằng, qua khảo sát và phân tích ở trên có chúng ta thấy nguyên nhân và quá trình thâm nhập của tiếng Anh vào tiếng Việt diễn ra như thế nào qua các phương tiện truyền thông đại chúng chính thống. Qua đây chúng tôi có những định hướng trong việc giảng dạy và biên tập các tác phẩm truyền thông như sau:

- *Đối với các từ đã dùng lâu ngày và ổn định:* Trong quá trình phát triển, việc vay mượn tiếng Anh là điều tất yếu có những từ đã dùng từ lâu ngày và đã ổn định như *mit tinh (meeting)*, *an bum (album)*... thì nên giữ nguyên. Đối với những từ mới du nhập, nếu thấy dịch không thuận thì nên chọn giải pháp phiên âm. Ví dụ: từ *Container* có nghĩa là “*thùng chứa lớn*”. Khi vào tiếng Việt từ này được phiên âm là “*công-ten-nơ*” hay “*công tay nơ*”. Thế nhưng có rất nhiều trường hợp từ này được viết nguyên dạng trên báo kiểu như “*gỡ vương cho*” container vào Hà Nội” [Bảo pháp luật], gây khó khăn cho những người bị hạn chế về trình độ tiếng Anh.

- *Đối với các từ có thể phiên âm:* Trường hợp những từ nếu phiên âm làm dễ hiểu hơn thì ta nên phiên âm và viết đủ âm, đúng âm đã phiên chứ không nên viết nguyên dạng một cách tràn lan, thả nổi dẫn đến việc làm ảnh hưởng xấu đến sự trong sáng của tiếng Việt. Ví dụ: *Washington, Canberra, v.v.*

- *Đối với những từ có thể dịch ra tiếng Việt được:* Những từ có thể dịch ra được thì nên dịch chứ không nên dùng nguyên dạng tiếng Anh phiên âm. Chẳng hạn như từ “*Festival*” Đà Lạt ta nên dịch là *Liên hoan*, không nên viết nguyên dạng như đã dùng là “*Festival Đà Lạt*”, *Festival Biển*, *Festival Hoa*... trong khi xét về mọi mặt thì *Liên hoan Huế*, *Liên hoan Biển*, *Liên hoan Hoa* đều có kém gì

Festival Huế, Festival Biển, Festival Hoa. Tương tự như vậy là từ *gallery* mà ta thấy nhan nhản trên một số con đường trung tâm của thành phố Hà Nội, trên một số quảng cáo, trên một số trang quảng cáo của báo viết lẫn báo điện tử. Tại sao không gọi là phòng triển lãm hay phòng trưng bày và thêm vào từ thích hợp như *tranh, tượng, cảnh...* Để tạo thành một tổ hợp từ thuần Việt khiến như *phòng trưng bày, phòng triển lãm tranh (hoặc tượng, cảnh...* chẳng hạn, mà phải cứ phải là *Gallery*? Phải chăng có *gallery* mới được gọi là tri thức, là sành điệu? Hay như trong ngành nghệ thuật biểu diễn, thay vì dùng các từ tiếng Việt là người hâm mộ, suất biểu diễn, thay vì dùng là *fan, show*. Rồi trong thể thao, các từ chơi đẹp, quả phạt đền 11m lại thay bằng các từ *fair play, penalty...*

Chúng ta nên nhớ rằng, công chúng truyền thông không phải là ai cũng hiểu được những từ tiếng Anh ấy, mà đã không hiểu thì các phương tiện truyền thông đại chúng ấy chưa thực hiện được chức năng giao tiếp của mình. Còn người hiểu được thì không thể không chê cười đội ngũ công tác truyền thông ấy là sính ngoại, coi rẻ tiếng nước nhà mà còn không tránh khỏi nỗi buồn lo trước tình trạng tiếng mẹ đẻ ngày một bị ô nhiễm nặng nề bởi tiếng Anh. Tất nhiên, là không thể phủ nhận những tác động tích cực mà tiếng Anh đã đem đến cho tiếng Việt trong quá trình tiếp xúc ngôn ngữ.

4.3. Kiến nghị liên quan đến trách nhiệm của những người có liên quan

Giữ gìn và làm giàu tiếng Việt là trách nhiệm của toàn dân. Song, dù xã hội, khoa học công nghệ có thay đổi đến đâu, chúng ta phải nhận thức sâu sắc và xác định không được làm méo mó, lai căng tiếng Việt trong quá trình sử dụng. Tuy nhiên, để có thứ tiếng Việt chuẩn mực hay nói cách khác là giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thì phải có những quy định cụ thể về trách nhiệm những người đang thực hiện những công việc hàng ngày liên quan đến ngôn ngữ như các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, các thầy cô giáo và tất cả học sinh, sinh viên mà đặc biệt là các nhà báo những người luôn dẫn dắt dư luận. Để thực hiện điều này các cơ quan báo chí, nhà báo cũng phải nghiêm túc nhìn nhận lại việc sử dụng từ ngữ trên báo. Khi tiếp cận thông tin trên mạng xã hội hay ngoài xã hội, người làm báo phải tinh táo, thận trọng để biết tránh xa, “tắt chay” những từ ngữ không hay, thiếu chuẩn mực; chỉ nên tinh lọc, tiếp thu những từ ngữ sáng tạo, giàu chất văn hóa, giáo dục để góp phần làm phong phú ngôn ngữ tiếng Việt mà vẫn bảo đảm sự trong lành môi trường thông tin trên báo chí. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của báo chí và nhà báo đã được quy định trong Luật Báo chí 2016 là “góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”. Với tư cách là người truyền tin, người định hướng, dẫn dắt dư luận xã hội, hướng đến những giá trị tiến bộ, lành mạnh, văn minh, cho nên, dù thông tin, tuyên truyền, phản ánh bất cứ vấn đề gì trong xã hội, dù ca ngợi, cổ vũ hay phê bình, phê phán, nhà báo phải luôn chất lọc, lựa chọn, cân nhắc, sử dụng từ ngữ sao cho phù hợp, đúng mực, đúng lúc, đúng chỗ, đúng đối tượng. Chỉ có như vậy mới góp phần mang đến những thông tin lành mạnh, tích cực, nhân văn cho công chúng và xã hội.

5. Kết luận

Qua những nội dung mà chúng tôi đã trình bày trên đây cho thấy vai trò tiếng Anh trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội ở Việt Nam. Và việc sử dụng tiếng Anh đặc biệt là trên các phương tiện truyền thông đại chúng ngày càng phổ biến và tràn lan, trở thành xu hướng đáng báo động về một sự “ô nhiễm” tiếng Anh đối với tiếng Việt. Với tư cách là những người nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, chúng tôi có nhiệm vụ giúp cho mọi người thấy được thực trạng đó và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, bởi lẽ, sống trong thời đại bùng nổ thông tin và mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế hiện nay thì nhu cầu phát triển vốn từ vựng cũng như cách diễn đạt của tiếng Việt là một xu thế tất yếu khách quan. Tuy nhiên chúng ta cần có những định hướng đúng đắn cũng như có những chính sách cụ thể trong việc sử dụng tiếng Anh để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hiện tượng tiếng Anh thâm nhập vào tiếng Việt để trong quá trình sử dụng tiếng Việt không làm mất đi bản sắc vốn có của ngôn ngữ dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Trọng Báu (2000), "Về vấn đề phiên chuyển từ nước ngoài ra tiếng Việt", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 9, tr.63-73.

2. Hoàng Thị Châu (1964), *Tiếng Việt trên các miền đất nước*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Phạm Văn Đồng (1999), *Trở lại vấn đề về sự trong sáng và sự phát triển của tiếng Việt*, Báo Giáo dục và Thời đại, số 72, ngày 07/9.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2006), "Chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam qua các thời kì lịch sử", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 1, tr.1-9.
5. Phú Văn Hân (2004), "Ngôn ngữ dân tộc trước sự phát triển của tiếng Anh ở khu vực Đông Nam Á", Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 1+2, tr.72-74.
6. Nguyễn Văn Khang (2007), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Văn Khang (2015), "Tiếng Việt trong bối cảnh thống nhất đất nước hội nhập và phát triển", Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 8(238), tr.1-7.
8. Nguyễn Văn Khang (2017), "Những vấn đề đặt ra đối với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện truyền thông", Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 1(255), tr.20-23.
9. Nguyễn Văn Khang (2019), *Ngôn ngữ mạng- Biến thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng Anh

10. Crystal D. (1997), *English as a global language*, Cambridge University Press.
11. Graddol D. (1997), *The future of English*. Oxford, Basic Blackwell.
12. Ferdinand de Saussure (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Nxb Khoa học Xã hội.
13. Soukhanov A (2003), *The King's English Its Ain't*.

The penetration of English into Vietnamese in integration context and the preservation of Vietnamese purity

Abstract: As the official language of the Vietnamese people, Vietnamese has thousands of years of history. Through many stages of development, Vietnamese has overcome all obstacles to become a rich and beautiful language, with identity and full of potential. The process of integration and development entails contact and mutual influence between cultures, including languages. This is also a common phenomenon. This exposure, on the positive side, has contributed to enriching the vocabulary of the national language, especially new terms in the fields of science, engineering and technology; make more diverse forms of communication, and in some ways, it helps us to have quick access to advanced technology, developed cultures. However, besides the positive contributions, this exposure also significantly affects the integrity of the Vietnamese language. One of the remarkable changes of the Vietnamese language is the rapid increase in English loan words. The question is how to make the values of language culture not be negated by the development of civilization and vice versa. That means we can both take advantage and accept that penetration as an objective necessity while preserving the purity of the Vietnamese language. This article would like to highlight the current situation and suggest what should to be done to achieve both of those goals.

Key words: English penetration; borrowing word; English exposure; communicative language; communicative Vietnamese language.